TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH K** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 20/2018/HSST
Ngày 27 tháng 3 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Đức Thuận
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
+ Bà Huỳnh Thị Oanh;
+ Ông Huỳnh Văn Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Sương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D - tỉnh K tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2018/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/HSST-QĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc Anh V - sinh năm 1993, tại K; tên gọi khác: Bí; Nơi cư trú: Tổ dân phố P, thị trấn D, huyện D, tỉnh K; Nghề nghiệp: lao động tự do; dân tộc: kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc Đ (chết) và bà Phạm Thị M (sinh năm 1961); Vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: Năm 2009 bị cáo bị đưa đi trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng theo quyết định số 843/QĐ-UB-NC ngày 02/11/2009 của chủ tịch ủy ban nhân dân huyện D. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2017, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị Phương H - sinh năm 1991, tại K; tên gọi khác: Mén; Nơi cư trú: Tổ dân phố P, thị trấn D, huyện D, tỉnh K; Nghề nghiệp: không; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Quốc D (sinh năm 1956) và bà Nguyễn Thị Ngọc A (sinh năm 1957); chồng: không đăng ký kết hôn; con: có 01 con sinh năm 2011; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 15/01/2007 bị Tòa án nhân dân huyện D xử phạt 18 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản", ngày 24/10/2007 được đặc xá trả tự do. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2017, có mặt tại phiên tòa.

* Người tham gia tố tụng khác:

- Người làm chứng: Nguyễn Văn T, Nguyễn Trung Q, Nguyễn Minh T, Nguyễn Minh, Lương Văn H, Phan Kim N, Lưu Thị Trúc L, Hồ Văn T, Mai Xuân T, Nguyễn Quốc D, Trần Vĩnh H, Tô Tuấn A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc Anh V và Nguyễn Thị Phương H là đối tượng nghiện ma túy. Ngày 08/10/2017, Văn và Hằng rủ nhau thuê phòng trọ tại nhà nghỉ AS (tổ dân phố P, thị trấn D do ông Hồ Thanh P (sinh năm 1985, trú thôn P, xã D, huyện D) làm chủ để sử dụng ma túy và bán ma túy. Trưa ngày 09/10/2017, V đưa cho H 600.000 đồng để mua ma túy đá về bán và sử dụng. Theo lời khai của H thì H đến nhà trọ TL (xã S, huyện D) gặp Mai Xuân T (sinh năm 1981, trú thôn V, xã S, huyện D), H mua 01 bịch ma túy đá hết 800.000 đồng rồi mang về phòng trọ cho V. Khoảng 16 giờ ngày 09/10/2017, có một người tên L (không rõ nhân thân, lai lịch) hỏi V mua ma túy với giá 100.000 đồng. Văn lấy ma túy bán cho L và L sử dụng ngay tại phòng trọ của V. Tiếp đó có Tô Tuấn A (sinh năm 1991, trú tổ dân phố D, thị trấn D, huyện D) gọi điện cho H hỏi mua ma túy đá, H mang ma túy đá bán cho A với giá 300.000 đồng (A mua nợ, chưa trả tiền). Khoảng 20 giờ cùng ngày, có 03 đối tượng nghiện ma túy là Nguyễn Văn T (sinh năm 1990, trú thôn T, xã D, huyện D), Trần Trung Q (sinh năm 1996, trú thôn A, xã D, huyện D), Nguyễn Minh T (sinh năm 1994, trú thôn P, xã D, huyện D) đến thuê phòng trọ tại nhà trọ AS để tìm mua ma túy đá. T gọi điện cho V mua ma túy với số tiền 600.000 đồng. H và V đồng ý bán và hẹn địa điểm tại phòng trọ số 6 thuộc nhà trọ AS. Khi T, V chia nhỏ số ma túy, một nữa bỏ trong bao thuốc lá, số ma túy còn lại bỏ trong tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng đưa cho T. T đưa 600.000 đồng qua khe cửa cho H, số tiền bán ma túy có được, H chia cho V 500.000 đồng.

Đến 21 giờ 30 ngày 09/10/2017, tổ công tác Công an huyện D tiến hành kiểm tra hành chính tại nhà nghỉ trọ AS, phát hiện tại phòng số 6 có Nguyễn Ngọc Anh V và Nguyễn Thị Phương H nghi vấn sử dụng trái phép chất ma túy. Qua khám xét, phát hiện và tạm giữ 02 bịch ny lon bên trong chứa chất tinh thể dạng đá màu trắng. V và H khai nhận hai bịch thu giữ là ma túy đá, một bịch cả hai mua về sử dụng và bán lại cho người khác, bịch còn lại không biết từ đâu mà có. Tại phòng số 3 phát hiện Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh T và Trần Trung Q đang sử dụng trái phép chất ma túy, tạm giữ một bịch ny lon bên trong đựng chất tinh thể dạng đá màu trắng. Khối lượng mẫu vật thu được là 0,0913g; 1,1632g và 3,3436g.

Ngày 11/10/2017, phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh K kết luận số tinh thể màu trắng Công an huyện D thu được ngày 09/10/2017 tại nhà trọ AS và gởi giám định là chất Methaphetamin.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện D, Nguyễn Ngọc Anh V và Nguyễn Thị Phương H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số: 07/CT-VKS ngày 15/01/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh K đã truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc Anh V và Nguyễn Thị Phương H về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D vẫn giữ nguyên về điều luật và tội danh của bị cáo Nguyễn Ngọc Anh V và Nguyễn Thị Phương H như bản cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm năm 2015 đối với cả 02 bị cáo Nguyễn Ngọc Anh V và Nguyễn Thị Phương H. Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Ngọc Anh V từ 07 năm đến 08 năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 10/10/2017; Phạt bổ sung bị cáo V từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng
- Bị cáo Nguyễn Thị Phương H từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 10/10/2017; Phạt bổ sung bị cáo H từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 700.000 đồng mà các bị cáo có được do bán ma túy. Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.257.000 đồng của bị cáo Nguyễn Ngọc Anh V để đảm bảo thi hành án. Tịch thu tiêu hủy: Các phong bì niêm phong mẫu vật còn lại sau giám định có ký hiệu B (có trọng lượng 0,9477 gam ma túy đá), ký hiệu C (có trọng lượng 2,0441 gam ma túy đá); 02 (hai) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; Một kéo cắt, một quẹt ga, một bịch ny lon đã qua sử dụng. Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia vỏ màu đen và sim số 0165xxxxxx của Nguyễn Ngọc Anh V; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO và sim số 01208 xxxxxx của Nguyễn Thị Phương H do các bị cáo sử dụng để mua bán ma túy. Trả lại cho: Mai Xuân T (sinh năm 1981, trú tại thôn V, xã S, huyện D) 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen và sim số 0906.xxxxxx; Nguyễn Ngọc Anh V 01 (một) điện thoại di động không rõ nhãn hiệu bị bể màn hình không gắn thẻ sim và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Lenovo vỏ bên ngoài màu đen và sim số 0937 xxxxxx do các vật chứng này không liên quan đến việc mua bán chất ma túy.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Những người làm chứng Nguyễn Văn T, Nguyễn Trung Q, Nguyễn Minh T, Nguyễn Minh H, Lương Văn H, Phan Kim N, Lưu Thị Trúc L, Hồ Văn T, Mai Xuân T, Nguyễn Quốc D, Trần Vĩnh H, Tô Tuấn A vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra, căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật

tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên toà các bị cáo Nguyễn Ngọc Anh V và Nguyễn Thị Phương H đã khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các người làm chứng đã có đủ căn cứ để kết luận Nguyễn Ngọc Anh V và Nguyễn Thị Phương H phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 điều 194 Bộ luật hình sự, do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy đã vi phạm pháp luật, đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trật tự tại địa phương. Là một trong những nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của một bộ phận thanh thiếu niên khi sử dụng. Các bị cáo có nhân thân xấu, là người nghiện không lo cho việc cai nghiện để sớm trở thành người có ích cho xã hội mà lại tìm cách mua bán chất ma túy để có tiền phục vụ nhu cầu nghiện của bản thân. Vai trò của các bị cáo trong vụ án là như nhau, cùng nhau đề xuất và cùng nhau góp tiền mua ma túy đá về bán để có tiền sử dụng ma túy. Do vậy, mức án đối với cả hai bị cáo Nguyễn Ngọc Anh V và Nguyễn Thị Phương H là như nhau mới đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên Tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cãi về hành vi phạm tội của mình nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; áp dụng tình tiết giảm nhẹ là điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của các bị cáo áp dụng Điều 194 theo Bộ luật hình sự năm 1999 so với Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 về khung hình phạt không có gì thay đổi nên cần áp dụng luật hình sự năm 1999 là phù hợp; Đối với tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 so với tình tiết giảm nhẹ tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 là tương đương nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 là phù hợp. Các đề nghị khác của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng". Do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả hai bị cáo V và H.

[7] Đối với các đối tượng đến nhà trọ AS để sử dụng và mua bán ma túy, chủ nhà trọ cũng như các người làm thuê không biết nên không xét. Đối với các đối tượng nghiện ma túy là Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh T, Trần Trung Q, Tô Tuấn A, Công an huyện D đã ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi "sử dụng trái phép

chất ma túy". Đối với Mai Xuân T (sinh năm 1981, trú tại thôn V, xã S, huyện D), tại cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện D, cũng như trong quá trình điều tra, Tú không thừa nhận việc bán ma túy cho H, Cơ quan điều tra đã tra cứu trên điện thoại, lời khai của người làm chứng cũng không có chứng cứ chứng minh việc T bán ma túy cho H, không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T nên không xét.

[8] Về vật chứng vụ án

- Đối với số tiền 1.957.000 đồng thu giữ, trong đó có 700.000 đồng các bị cáo thừa nhận là số tiền có được từ việc mua bán trái phép chất ma túy nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Số tiền 1.257.000 đồng là tiền riêng của bị cáo V nên cần tiếp tục tạm giữ số tiền 1.257.000 đồng của bị cáo Nguyễn Ngọc Anh V để đảm bảo thi hành án.

- Đối với các phong bì niêm phong mẫu vật còn lại sau giám định có ký hiệu B (có trọng lượng 0,9477 gam ma túy đá), ký hiệu C (có trọng lượng 2,0441 gam ma túy đá); 02 (hai) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; Một kéo cắt, một quẹt ga, một bịch ny lon đã qua sử dụng. Các vật chứng trên không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia vỏ màu đen và sim số 01656 xxxxxx của Nguyễn Ngọc Anh V; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO và sim số 01208391139 của Nguyễn Thị Phương H. Bị cáo V và H thừa nhận là các phương tiện của các bị cáo sử dụng để liên lạc mua bán ma túy nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen và sim số 0906 xxxxxx là tài sản của Mai Xuân T nên cần trả lại cho Mai Xuân T; 01 (một) điện thoại di động không rõ nhãn hiệu bị bể màn hình không gắn thẻ sim và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Lenovo vỏ bên ngoài màu đen và sim số 0937 xxxxxx của Nguyễn Ngọc Anh V do các vật chứng này không liên quan đến việc mua bán chất ma túy nên trả lại cho bị cáo V.

[8] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Ngọc Anh V và Nguyễn Thị Phương H phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Ngọc Anh V (Bi)**; **Nguyễn Thị Phương H (Mén)** phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*.

- Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 194; Điều 53; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc Anh V và Nguyễn Thị Phương H.

Xử phạt:

Bị cáo **Nguyễn Ngọc Anh V (Bi) 07** *(bảy)* **năm 06** *(sáu)* **tháng tù** về tội ***"Mua bán trái phép chất ma túy"***. Thời hạn tù tính từ ngày 10/10/2017.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Anh V 5.000.000 đồng *(năm triệu đồng)* sung công quỹ Nhà nước.

Bị cáo **Nguyễn Thị Phương H (Mén) 07** *(bảy)* **năm 06** *(sáu)* **tháng tù** về tội ***"Mua bán trái phép chất ma túy"***. Thời hạn tù tính từ ngày 10/10/2017.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương H 5.000.000 đồng *(năm triệu đồng)* sung công quỹ Nhà nước.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2004;

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng); Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.257.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Ngọc Anh V theo giấy nộp tiền số CT: 000xxxx ngày 30/10/2017 do Công an huyện D nộp tại kho bạc Nhà nước huyện D.

- Tịch thu tiêu hủy: Các phong bì niêm phong mẫu vật còn lại sau giám định có ký hiệu B (có trọng lượng 0,9477 gam ma túy đá), ký hiệu C (có trọng lượng 2,0441 gam ma túy đá); 02 (hai) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; Một kéo cắt, một quẹt ga, một bịch ny lon đã qua sử dụng *(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D và Chi cục thi hành án Dân sự huyện D ngày 15/3/2018)*.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia vỏ màu đen và sim số 01656 xxxxxx; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO và sim số 01208 xxxxxx *(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D và Chi cục thi hành án Dân sự huyện D ngày 15/3/2018)*;

- Trả lại cho Mai Xuân T (sinh năm 1981, trú tại thôn V, xã S, huyện D) 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen và sim số 0906 xxxxxx; Trả lại cho Nguyễn Ngọc Anh V 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Lenovo vỏ bên ngoài màu đen và sim số 0937 xxxxxx và 01 (một) điện thoại di động không rõ nhãn hiệu bị bể màn hình không gắn thẻ sim *(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D và Chi cục thi hành án Dân sự huyện D ngày 15/3/2018)*.

3.Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Anh V và Nguyễn Thị Phương H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Toà án tỉnh K xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký và đóng dấu)

Võ Đức Thuận

Nơi nhận:
- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện D;
- Công an huyện D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện D;
- Bị cáo;
- Lưu THA hình sự, hồ sơ.